



## THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tổng thu ngân sách nhà nước (NSNN) thực hiện 6 tháng đầu năm 2016 ước đạt 476,8 nghìn tỷ đồng, bằng 47% dự toán năm, tăng 6,1% so cùng kỳ năm 2015. Trong đó, thu nội địa ước đạt 383,2 nghìn tỷ đồng, bằng 48,8% dự toán năm, tăng 13,8% so cùng kỳ năm 2015; Thu từ đầu thô đạt 20,3 nghìn tỷ đồng, bằng 37,2% dự toán năm, giảm 44,8% so cùng kỳ năm 2015; Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 41,9% dự toán, giảm 2,2% so cùng kỳ năm 2015; Thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu ước đạt 72 nghìn tỷ đồng, bằng 41,9% dự toán, giảm 2,2% so cùng kỳ.

Tổng chi NSNN thực hiện 6 tháng đầu năm 2016 ước đạt 562,5 nghìn tỷ đồng, bằng 44,2% dự toán năm, tăng 4,9% so cùng kỳ năm 2015. Trong 6 tháng đầu năm, chi NSNN cơ bản đáp ứng được các nhiệm vụ chi theo dự toán được giao và tiến độ thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị sử dụng ngân sách.

Tính đến ngày 20/6/2016, vốn đầu tư xây dựng cơ bản nguồn NSNN giải ngân qua hệ thống Kho bạc Nhà nước đạt xấp xỉ 24% (so cùng kỳ năm 2015 đạt 39,8%); vốn trái phiếu Chính phủ đạt khoảng 17,3% (cùng kỳ năm 2015 đạt 30,8%).

Nguồn: Bộ Tài chính

## THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

### THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

BẢNG 1: GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TẠI HSX THÁNG 6/2016

	Tuần từ 1/6 – 3/6	Tuần từ 6/6 – 10/6	Tuần từ 13/6 – 17/6	Tuần từ 20/6 – 24/6	Tuần từ 27/6 – 30/6
<b>VN-Index (điểm)</b>	619,86 - 621,88	620,05 - 629,84	623,58 - 619,25	626,46 - 620,77	621,27 - 632,26
<b>KLGD (cổ phiếu)</b>	364.146.518	641.603.001	628.234.319	738.081.475	425.717.676
<b>GTGD (tỷ VND)</b>	6.133,81	11.552,69	11.277,49	13.989,09	9.240,52

Nguồn: HSX

BẢNG 2: GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TẠI HNX THÁNG 6/2016

	Tuần từ 1/6 – 3/6	Tuần từ 6/6 – 10/6	Tuần từ 13/6 – 17/6	Tuần từ 20/6 – 24/6	Tuần từ 27/6 – 30/6
<b>HNX-Index (điểm)</b>	81,93 - 82,66	82,65 - 84,85	84,3 - 83,92	84,37 - 83,62	83,53 - 84,72
<b>KLGD (cổ phiếu)</b>	171.189.013	289.751.357	260.215.057	320.219.699	212.584.725
<b>GTGD (tỷ VND)</b>	1750,52	3740,07	3.216,56	4.171,35	2507,53

Nguồn: HNX

BẢNG 3: GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TẠI UPCOM THÁNG 6/2016

	Tuần từ 1/6 – 3/6	Tuần từ 6/6 – 10/6	Tuần từ 13/6 – 17/6	Tuần từ 20/6 – 24/6	Tuần từ 27/6 – 30/6
<b>UPCoM-Index (điểm)</b>	56,6 - 57,68	57,09 - 58,11	57,41 - 58,79	58,59 - 56,83	56,57 - 58,22
<b>KLGD (cổ phiếu)</b>	28.293.139	62.748.128	63.648.225	64.687.440	25.222.887
<b>GTGD (tỷ VND)</b>	343,98	850,49	738,99	1052,52	400,84

Nguồn: HNX

Tháng 6/2016, thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam có diễn biến khởi sắc. Mặc dù chịu ảnh hưởng tiêu cực từ sự kiện Brexit, nhưng TTCK trong nước vẫn đạt mức tăng trưởng khá ấn tượng về điểm số. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch ngày 30/6/2016 chỉ số VN-Index dừng ở mức 632,26 điểm, tăng 12,66% so với ngày 31/3/2016. Chỉ số HNX-Index cũng tăng 7,17 điểm lên mức 84,72 điểm.

## THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

**BẢNG 4: TTCK THẾ GIỚI THÁNG 6/2016**

Thị trường	Chỉ số	Ngày 1/6/2016 (điểm)	Ngày 30/6/2016 (điểm)	Tăng/Giảm (%)
Mỹ	Dow Jones	17.789,67	17.929,99	0,79
	S&P 500	2.099,33	2.098,86	-0,02
	Nasdaq	4.952,25	4.842,67	-2,21
Anh	FTSE 100	6.191,90	6.504,30	5,05
Pháp	CAC 40	4.475,39	4.237,48	-5,32
Đức	DAX	10.204,44	9.680,09	-5,14
Nhật Bản	Nikkei 225	16.955,73	15.575,92	-8,14
Hồng Kông	Hang Seng	2.913,51	2.929,61	0,55
Trung Quốc	Shanghai Composite	20.760,98	20.794,37	0,16
Đài Loan	Taiwan Weighted	1.982,72	1.970,35	-0,62
Hàn Quốc	Kospi Composite	8.597,15	8.666,58	0,81
Singapore	Straits Times	2.790,54	2.840,93	1,81

Nguồn: Bloomberg

Trong tháng 6/2016, TTCK thế giới có diễn biến trái chiều. Cụ thể, tại TTCK châu Âu, ngoại trừ chỉ số FTSE 100 của Anh ngày 30/6 có mức tăng 5,05% so với đầu tháng, các chỉ số khác (DAX của Đức và CAC 40 của Pháp) giảm điểm lần lượt ở mức - 5,14% và - 5,32 %, đạt 9.680,09 điểm và 4.237,48 điểm. Trong khi đó, tại TTCK châu Á có diễn biến khá tích cực, chỉ có 4/6 chỉ số tăng điểm, chỉ có 2/6 chỉ số giảm điểm là Nikkei 225 của Nhật Bản và Taiwan Weighted của Đài Loan giảm điểm lần lượt -8,14% và -0,62%.

## THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ

THÁNG 6/2016

**HOẠT ĐỘNG ĐẤU THẦU TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ TRÊN THỊ TRƯỜNG SƠ CẤP**

Kỳ hạn trái phiếu	Số phiên đấu thầu	Giá trị đăng ký	Giá trị trúng thầu	Vùng lãi suất đặt thầu (%/năm)	Vùng lãi suất trúng thầu (%/năm)
3 năm	4	5.300.000.000.000	16.751.000.000.000	4.850.000.000.000	5,20-7,20
5 năm	9	35.800.000.000.000	72.408.000.000.000	33.027.000.000.000	6,00-7,40
7 năm	2	5.200.000.000.000	9.312.000.000.000	4.660.000.000.000	6,25-8,00
10 năm	3	3.500.000.000.000	3.802.000.000.000	2.050.000.000.000	6,89-8,40
15 năm	6	6.650.000.000.000	8.419.000.000.000	5.055.000.000.000	7,61-9,00
20 năm	2	2.000.000.000.000	92.000.000.000	90.000.000.000	7,75-9,20
30 năm	1	1.500.000.000.000	500.000.000.000	500.000.000.000	8,00-8,00
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>59.950.000.000.000</b>	<b>111.284.000.000.000</b>	<b>50.232.000.000.000</b>	

Nguồn: HNX

**GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ TRÊN THỊ TRƯỜNG THỨ CẤP**

STT	Kỳ hạn còn lại	Khối lượng giao dịch	Giá trị giao dịch	Vùng lợi suất
1	6 tháng	557.144	59.184.449.408	3,50 - YTM - 4,30
2	9 tháng	14.600.000	1.542.367.200.000	3,85 - YTM - 5,00
3	12 tháng	36.835.001	3.876.018.537.458	4,00 - YTM - 5,80



4	2 năm	150.412.728	15.772.424.062.520	4,49 - YTM - 7,53
5	3 năm	186.970.000	19.419.981.050.000	5,15 - YTM - 6,01
6	3 - 5 năm	92.390.000	9.761.963.040.000	5,00 - YTM - 7,16
7	5 năm	265.350.000	27.155.162.540.000	5,50 - YTM - 7,22
8	7 năm	6.430.000	677.496.750.000	6,54 - YTM - 7,91
9	7 - 10 năm	1.645.000	181.133.630.000	6,80 - YTM - 7,20
10	10 năm	28.490.000	2.902.330.080.000	6,92 - YTM - 6,95
11	10 - 15 năm	1.495.000	157.442.470.000	7,95 - YTM - 7,95
12	15 năm	12.680.000	1.279.533.440.000	7,49 - YTM - 7,65
13	30 năm	1.050.000	104.706.000.000	8,30 - YTM - 8,30
<b>Tổng</b>		<b>798.904.873</b>	<b>82.889.743.249.386</b>	

\*YTM: Lãi suất đáo hạn

Nguồn: HNX

## THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

LÃI SUẤT BÌNH QUÂN LIÊN NGÂN HÀNG THÁNG 6/2016 (% NĂM)					
Thời hạn	Tuần 1/6-3/6	Tuần từ 6/6-10/6	Tuần từ 13/6-17/6	Tuần từ 20/6-24/6	Tuần từ 27/6-30/6
Qua đêm	1,35 - 2,01	2,15 - 1,29	1,43 - 0,92	1,18 - 0,83	1,26 - 1,22
1 tuần	1,64 - 2,43	2,37 - 1,65	1,64 - 1,35	1,41 - 1,09	1,60 - 1,67
2 tuần	2,23 - 2,87	2,83 - 2,05	2,24 - 1,51	1,92 - 1,63	2,00 - 1,99
1 tháng	2,75 - 3,43	3,35 - 3,22	3,02 - 2,47	2,58 - 2,43	2,37 - 2,36
3 tháng	4,33 - 4,28	4,09 - 5,06	4,03 - 4,46	3,88 - 4,36	3,96 - 4,51
6 tháng	4,70 - 4,22	5,36 - 4,90	4,90 - 4,60	3,81 - 4,62	4,90 - 4,95
9 tháng	-	-	-	-	-
Doanh số giao dịch (tỷ VND)	51.536	75.741	99.550	99.355	72.375

Nguồn: NHNN

DIỄN BIẾN THAY ĐỔI TỶ GIÁ VND/USD THÁNG 6/2016					
	Tuần từ 1/6 - 3/6	Tuần từ 6/6 - 10/6	Tuần từ 13/6 - 17/6	Tuần từ 20/6 - 24/6	Tuần từ 27/6 - 30/6
Giá mua vào	22.410 - 22.380	22.350 - 22.290	22.270 - 22.260	22.260 - 22.295	22.290 - 22.270
Giá bán ra	22.480 - 22.450	22.420 - 22.360	22.340 - 22.330	22.330 - 22.365	22.360 - 22.340

Nguồn: Vietcombank.com

Trong tháng 6/2016, tỷ giá VND/USD diễn biến với xu hướng giảm nhẹ. Tỷ giá trung tâm của VND so với USD do Ngân hàng Nhà nước công bố ngày 30/6/2016 là 21.873 VND/USD. Với biên độ +/-3% đang được áp dụng, tỷ giá trần mà các ngân hàng áp dụng là 22.529 VND/USD và tỷ giá sàn là 21.216 VND/USD. Chỉ số giá USD trong tháng 6/2016 tăng 0,09% so với tháng trước và tăng 2,52% so với cùng kỳ năm 2015.

CHỈ SỐ USD THÁNG 6/2016					
	Tuần từ 1/6 - 3/6	Tuần từ 6/6 - 10/6	Tuần từ 13/6 - 17/6	Tuần từ 20/6 - 24/6	Tuần từ 27/6 - 30/6
USD - Index (điểm)	95,42 - 95,55	94,03 - 94,07	94,39 - 94,61	93,65 - 93,21	96,37 - 95,96

Nguồn: www.marketwatch.com

Chỉ số USD - Index trong tháng 6/2016 diễn biến tăng giảm liên tục trước những biến động từ nền kinh tế Mỹ cũng như các nền kinh tế khác. Chỉ số đạt mức cao nhất tại 96,37 (ngày 27/6) và thấp nhất tại 93,21 (ngày 24/6). Trong tháng 6, đồng EUR giảm 0,51% so với đồng USD. Diễn biến cặp tỷ giá EUR/USD: 1 EUR đổi được 1,1136 USD (ngày 1/6), 1,1315 USD (ngày 10/6), 1,1349 USD (ngày 20/6), 1,1128 USD (ngày 30/6).

# THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA – DỊCH VỤ

KIM NGẠCH XUẤT NHẬP KHẨU THÁNG 6 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2016

	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Xuất siêu
Tháng 6/2016	14,80 tỷ USD	14,90 tỷ USD	
Tăng/giảm so với tháng trước	+3%	+2,4%	
6 tháng đầu năm 2016	82,2 tỷ USD	80,7 tỷ USD	1,5 tỷ USD
Tăng/giảm so với cùng kỳ năm 2015	+ 5,9%	-0,5%	

Nguồn: Tổng cục Thống kê

## DIỄN BIẾN GIÁ CẢ MỘT SỐ MẶT HÀNG CHỦ YẾU THÁNG 6/2016

### 1. Lúa, gạo

- Tại miền Bắc: Giá thóc, gạo tẻ thường tháng 6/2016 giảm nhẹ so với tháng 5/2016. Theo đó, giá bán thóc tẻ thường tháng 6/2016 dao động phổ biến ở mức 6.000-7.000 đồng/kg, giảm 500 đồng/kg; giá một số loại thóc chất lượng cao hơn phổ biến ở mức 8.000-9.000 đồng/kg, giảm 500 đồng/kg; giá gạo tẻ thường dao động phổ biến ở mức 8.500-14.000 đồng/kg.

- Tại miền Nam: Giá bán lúa khô tháng 6/2016 tại kho khu vực Đồng bằng sông Cửu Long loại thường dao động từ 5.050-5.150 đồng/kg, giảm 250 đồng/kg so với tháng trước. Giá gạo thành phẩm 5% tấm không bao bì giao tại mạn tàu hiện khoảng 7.600-7.700 đồng/kg, giảm 300 đồng/kg; gạo 25% tấm khoảng 7.300-7.400 đồng/kg, giảm 250 đồng/kg.

### 2. Thực phẩm tươi sống

- Tại miền Bắc: Tháng 06/2016, thịt lợn hơi giá phổ biến khoảng 45.000 – 51.000 đồng/kg; thịt lợn mỡ giá phổ biến khoảng 90.000 – 95.000 đồng/kg, giảm 5.000 đồng/kg so với tháng trước; thịt bò thăn giá phổ biến khoảng 260.000 – 275.000 đồng/kg, mức giá này ổn định so với tháng trước; thịt gà ta và gà công nghiệp làm sẵn có kiểm dịch giá phổ biến khoảng 115.000 – 125.000 đồng/kg, giá ổn định so với tháng trước; thịt gà công nghiệp làm sẵn ở mức 57.000 – 60.000 đồng/kg, ổn định so với tháng trước.

- Tại miền Nam: Giá bán thịt lợn hơi tháng 6/2016 phổ biến khoảng 45.000 – 49.000 đồng/kg, giảm 1.000 – 3.000 đồng/kg. Thịt lợn mỡ giá phổ biến khoảng 85.000 – 90.000 đồng/kg, tăng 3.000 đồng/kg; thịt bò thăn giá ổn định dao động phổ biến khoảng 260.000 – 275.000 đồng/kg; thịt gà công

nh nghiệp làm sẵn ở mức 57.000 - 60.000 đồng/kg, giá ổn định so với tháng trước.

### 3. Giá sữa dành cho trẻ em dưới 6 tuổi

Giá sữa dành cho trẻ em dưới 6 tuổi tháng 6/2016 duy trì mức giá ổn định so với tháng 5/2016. Tính đến ngày 30/6/2016, đã có 866 sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 6 tuổi được công bố giá tối đa, giá đăng ký, kê khai giá trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tài chính và Sở Tài chính các địa phương.

### 4. Phân bón Urê

Trong tháng 6/2016, giá phân bón urê trong nước tiếp tục giữ ổn định so với tháng 5/2016. Cụ thể: Tại miền Bắc, mức giá phổ biến khoảng 7.500 - 7.700 đồng/kg; tại miền Nam, mức giá phổ biến khoảng 7.500 - 7.600 đồng/kg.

### 5. Thức ăn chăn nuôi

Trong tháng 6/2016, giá hầu hết các nguyên liệu thức ăn chăn nuôi và thức ăn hỗn hợp đều có xu hướng tăng do giá nguyên liệu thế giới tăng. Hiện giá thức ăn hỗn hợp cho gà thịt dao động ở mức 9.400 - 9.600 đồng/kg, tăng 200 đồng/kg so với tháng 5; giá thức ăn hỗn hợp cho lợn thịt ở mức 8.500-8.600 đồng/kg, tăng 300-400 đồng/kg so với tháng trước.

### 6. Nguyên vật liệu xây dựng

- Giá bán lẻ xi măng trong tháng 6/2016 trên thị trường giữ ổn định so với tháng 5/2016. Hiện giá bán lẻ xi măng tại các tỉnh miền Bắc, miền Trung phổ biến từ 1.050.000 - 1.550.000 đồng/tấn; tại các tỉnh miền Nam phổ biến từ 1.460.000 - 1.850.000 đồng/tấn.

- Giá bán lẻ thép xây dựng tháng 6/2016 giảm khoảng 500 - 800 đồng/kg so với tháng trước. Cụ thể:



Tại các tỉnh miền Bắc và miền Trung dao động phổ biến ở mức 11.900 - 14.150 đồng/kg; tại các tỉnh miền Nam dao động phổ biến ở mức 11.900 - 14.250 đồng/kg.

### 7. Khí hóa lỏng – LPG

Giá bán lẻ khí hóa lỏng –LPG trong tháng 6/2016

tại TP. Hồ Chí Minh (Giá bán lẻ đến tay người tiêu dùng) là 272.000 đồng/bình 12kg; giảm khoảng 2.500 đồng/bình 12kg; tại Hà Nội (Giá bán lẻ đến tay người tiêu dùng) khoảng 291.000 đồng/bình 12 kg, tăng khoảng 5.000 đồng/bình 12kg).

# THỊ TRƯỜNG XĂNG, DẦU

## THỊ TRƯỜNG XĂNG, DẦU TRONG NƯỚC

Căn cứ biến động giá xăng dầu thế giới, trong tháng 06/2016, giá xăng, dầu trong nước được điều chỉnh 2 lần, cụ thể:

- Ngày 04/6/2016: Bộ Công Thương đã có Công văn số 4951/BCT-TTTN về điều hành kinh doanh xăng dầu, theo đó: Giá bán xăng Ron 92 không cao hơn 16.509 đồng/lít; xăng E5 không cao hơn 15.983 đồng/lít; dầu điêzen 0,05S không cao hơn 11.908 đồng/lít; dầu hỏa không cao hơn 10.297 đồng/lít; dầu ma dút 180CST 3,5S không cao hơn 8.391 đồng/kg.

- Ngày 20/6/2016: Bộ Công Thương đã có Công văn số 5450/BCT-TTTN về điều hành kinh doanh xăng dầu, theo đó: Giá bán xăng Ron 92 không cao hơn 16.168 đồng/lít; xăng E5 không cao hơn 15.647 đồng/lít; dầu điêzen 0,05S không cao hơn 12.298 đồng/lít; dầu hỏa không cao hơn 10.667 đồng/lít; dầu ma dút 180CST 3,5S không cao hơn 8.741 đồng/kg.

Tổng hợp 02 lần điều hành, giá bán các mặt hàng xăng dầu trong tháng 6/2016, cụ thể như sau:

CÁC CHỦNG LOẠI XĂNG DẦU	GIÁ BÁN XĂNG DẦU TRONG NƯỚC SAU NGÀY 20/6/2016 (ĐỒNG/LÍT,KG)	QUỸ BOG (Đ/L,KG)		THUẾ SUẤT THUẾ NHẬP KHẨU (%)
		Trích	Sử dụng	
Xăng RON 95	16.860	300	639	18,35
Xăng RON 92	16.160	300	639	18,35
Xăng E5	15.640	0	672	18,35
Dầu điêzen 0,05S	12.290	300	595	2,32
Dầu hỏa	10.660	300	764	0
Dầu madut 3,5S	8.740	300	151	0

Trong 6 tháng đầu năm 2016, Bộ Công Thương đã ban hành 12 văn bản điều hành giá xăng dầu, số lần và mức tăng, giảm cụ thể các mặt hàng như sau:

CÁC MẶT HÀNG	TĂNG GIÁ (LẦN)	TỔNG MỨC TĂNG GIÁ ĐỒNG/LÍT,KG	GIẢM GIÁ (LẦN)	TỔNG MỨC GIẢM GIÁ ĐỒNG/LÍT,KG	GIỮ ỔN ĐỊNH GIÁ	TỔNG SỐ VĂN BẢN ĐIỀU HÀNH
Xăng khoáng	5	2.750	5	(2.990)	2	12
Dầu điêzen	6	2.710	3	(2.400)	3	12
Dầu hỏa	4	1.760	3	(2.160)	5	12
Dầu madút	6	1.540	4	(960)	2	12

Nguồn: Cục Quản lý Giá

### THỊ TRƯỜNG XĂNG, DẦU THẾ GIỚI THÁNG 06/2016

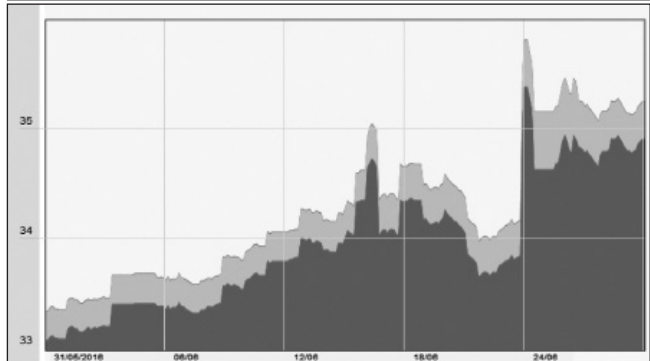
	6/6	15/6	21/6	30/6
Giá dầu thô ngọt, nhẹ New York (USD/thùng)	48,62	48,49	50,65	49,88
Giá dầu sưởi (USD/gallon)	1,48	1,35	1,52	1,53
Giá xăng (USD/gallon)	1,60	1,52	1,58	1,52
Giá khí tự nhiên (USD/triệu BTU)	2,39	2,60	2,74	2,61

Nguồn: TCTC tổng hợp

# THỊ TRƯỜNG VÀNG

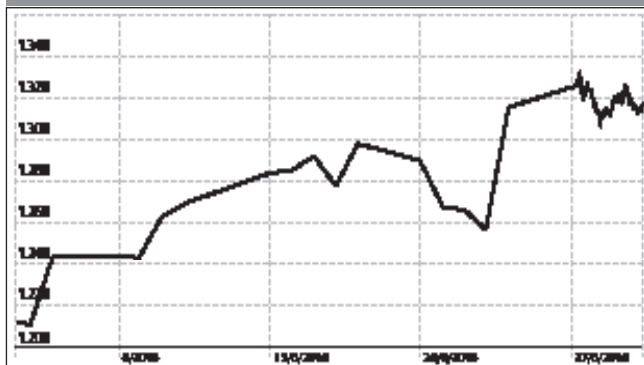
**D**o chịu ảnh hưởng trực tiếp từ diễn biến của giá vàng thế giới và biến động của đồng USD, nên giá vàng trong nước tháng 6/2016 diễn biến với xu hướng tăng. Cụ thể, giá vàng SJC tăng mạnh nhất lên 35,50 – 35,90 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra) ngày 24/6 và thấp nhất tại 33,17 – 33,43 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra) ngày 1/6. Chỉ số giá vàng tháng 6/2016 giảm 0,01% so với tháng trước. Chênh lệch giữa giá vàng trong nước và giá vàng thế giới ngày 30/6 khoảng 300 nghìn đồng/lượng.

DIỄN BIẾN GIÁ VÀNG TRONG NƯỚC (TRIỆU ĐỒNG/LƯỢNG)  
(TỪ NGÀY 01/6/2016 ĐẾN NGÀY 30/6/2016)



Nguồn: sjc.com.vn

DIỄN BIẾN GIÁ VÀNG THẾ GIỚI (USD/OUNCE)  
(TỪ NGÀY 1/6/2016 ĐẾN NGÀY 30/6/2016)



Nguồn: kitco.com

**M**ặc dù chịu tác động từ những bất ổn của các nền kinh tế chủ chốt trên thế giới, nhưng thị trường vàng thế giới tháng 6/2016 có diễn biến chính là tăng. Trong tháng, giá vàng (giao ngay tại thị trường New York) lên cao nhất tại mức 1.332,4 USD/ounce (ngày 27/6) và thấp nhất là 1.210,4 USD/ounce (ngày 2/6). Tính chung cả tháng, giá vàng thế giới đã tăng 8,45%.

## THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM

ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2016 (VỐN ĐĂNG KÝ TÍNH ĐẾN NGÀY 20/6/2016)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2016	Socùng kỳ
1	Vốn thực hiện	triệu USD	6.300	7.250	115,1%
2	Vốn đăng ký	triệu USD	5.493,4	11.284,7	205,4%
2.1.	Đăng ký cấp mới	triệu USD	3.839,2	7.496,9	195,3%
2.2.	Đăng ký tăng thêm	triệu USD	1.654,2	3.787,8	229,0%
3	Số dự án				
3.1.	Cấp mới	dự án	757	1.145	151,3%
3.2.	Tăng vốn	lượt dự án	281	535	190,4%
4	Xuất khẩu				
4.1.	Xuất khẩu (kể cả dầu thô)	triệu USD	54.775	58.565	106,9%
4.2.	Xuất khẩu (không kể dầu thô)	triệu USD	52.658	57.434	109,1%
5	Nhập khẩu	triệu USD	48.142	47.296	98,2%

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch & Đầu tư)